

Tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên và trong dạy học ở trường phổ thông: Một nghiên cứu tổng quan

Bùi Thị Thanh Nhân¹, Hà Văn Dũng^{*2}

¹ Email: nhannhan772022nct@gmail.com
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh
Số 1A Nguyễn Hiến Lê, quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Tác giả liên hệ

² Email: dung.bio.sphn.th@gmail.com

Tạp chí Giáo dục
Số 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: *Hưởng ứng sáng kiến của Liên Hợp quốc về Thập kỷ Giáo dục phát triển bền vững (2005-2014), Việt Nam đã có những bước đi cụ thể, trong đó coi giáo dục là con đường hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Để làm được điều đó, các nội dung của giáo dục vì sự phát triển bền vững phải được tích hợp vào chương trình đào tạo bậc Đại học và ở trường phổ thông. Tuy nhiên, vấn đề này gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Do đó, để có cơ sở cho xây dựng khung lý thuyết về tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của giáo viên phổ thông, nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi cứu, phân tích tài liệu để hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, rút ra kết luận từ các công trình nghiên cứu về tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên và trong dạy học ở trường phổ thông trên thế giới và Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa tham khảo về mặt lý luận cho lãnh đạo và cán bộ quản lý các trường đại học sư phạm, giảng viên, các nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý trường học, giáo viên trường phổ thông và là tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo về công tác quản lý tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và mục tiêu của giáo dục vì sự phát triển bền vững toàn cầu.*

TỪ KHÓA: Tổng quan, tích hợp, đào tạo giáo viên, dạy học ở trường phổ thông, phát triển bền vững, giáo dục vì sự phát triển bền vững.

→ Nhận bài 21/3/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 11/4/2024 → Duyệt đăng 25/5/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12420102>

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hoá, không chỉ môi trường tự nhiên toàn cầu đang bị suy thoái và có nguy cơ huỷ diệt mà nhiều nơi đang tồn tại những bất công trong xã hội khi mà chiến tranh xung đột và khủng bố đang đe dọa hoà bình ở nhiều nơi trên Trái Đất thì phát triển bền vững (*Sustainable Development - SD*) là mục tiêu chúng ta phải đạt tới, là con đường tất yếu phải đi và là triết lý sống mà mỗi công dân toàn cầu phải thực hiện. Vì vậy, phát triển bền vững vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với toàn thể nhân loại trong thế kỉ XXI, là vấn đề trung tâm của thế giới hiện đại. Giáo dục là con đường hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. UNESCO đã thiết lập một mạng lưới trên toàn cầu để khuyến khích nhiều quốc gia trên thế giới tham gia giáo dục vì sự phát triển bền vững (*Education for Sustainable Development - ESD*). Nhiều sáng kiến đã được các trường học áp dụng để hỗ trợ thực hiện ESD trong dạy và học. Năm 2008, hơn 75 quốc gia đã thành lập một cơ quan điều phối ESD. Đến nửa cuối năm 2013, một phần ba số quốc gia đã tích hợp ESD trong luật pháp quốc gia [1]. Ở Việt Nam, ESD nhằm

đạt đến nền giáo dục chất lượng cao, ngang tầm với các nước trong khu vực, hướng tới một nền giáo dục tiên tiến, bền vững. Trong những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai lồng ghép những nội dung ESD vào chương trình đào tạo giáo viên và chương trình giáo dục phổ thông, các môn học và hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, cách tiếp cận chưa rõ ràng, thống nhất, chưa đồng đều ở các trường, khoa, bộ môn; cách thức triển khai ở trường phổ thông chưa hiệu quả, đồng bộ... Cần thiết phải có những nghiên cứu một cách bài bản về vấn đề này trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 hiện nay.

Dạy học tích hợp là một trong những xu hướng chung của định hướng đổi mới giáo dục hiện nay, giúp cho người học thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, thông qua đó hình thành và phát triển các khái niệm, kiến thức, kĩ năng, các năng lực hoạt động thực tiễn cần thiết. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng trên cơ sở quan điểm tích hợp, phù hợp với định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục, trong đó có định hướng ESD; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, SD và phồn vinh. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay,

giáo viên ở trường phổ thông chưa có sự hiểu biết đầy đủ, chưa quan tâm sâu sắc đến dạy học tích hợp nói chung, tích hợp ESD trong dạy học nói riêng, thể hiện qua năng lực dạy học tích hợp của họ chưa cao [2], [3], [4], [5]. Nguyên nhân chính là do chương trình đào tạo giáo viên chưa chú trọng đến phát triển năng lực tích hợp ESD cho sinh viên sư phạm. Như vậy, việc nghiên cứu năng lực tích hợp ESD trong dạy học ở trường phổ thông cần phải được đặt trong mối quan hệ nhân quả với quá trình đào tạo ra đối tượng này, tức là nếu ở trường đại học, sinh viên sư phạm được tiếp cận với ESD thì khi trở thành giáo viên ở trường phổ thông, họ sẽ có năng lực ESD. Vì vậy, để có cơ sở cho đề xuất khung lý thuyết về tích hợp ESD trong dạy học của giáo viên phổ thông, bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu hồi quy, phân tích tài liệu thứ cấp để hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, rút ra kết luận từ các công trình nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam. Đây là phương pháp mà nhà nghiên cứu sử dụng dữ liệu do chính mình hoặc người khác tạo ra để tiến hành một nghiên cứu mới với mục đích khác nghiên cứu ban đầu [6]. Nghiên cứu thực hiện nhằm trả lời hai câu hỏi: 1) Đã có những nghiên cứu nào về tích hợp ESD trong đào tạo giáo viên?; 2) Đã có những nghiên cứu nào về tích hợp ESD trong dạy học ở trường phổ thông?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu về tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên

Tích hợp ESD vào chương trình đào tạo đại học được hiểu là quá trình lồng ghép các vấn đề liên quan đến SD vào trong chương trình đào tạo đại học hiện có một cách hợp lý và hiệu quả theo các cách tiếp cận khác nhau. Theo Lozano (2010), có bốn cách tiếp cận về tích hợp ESD vào chương trình đào tạo: 1) Tích hợp một số vấn đề về SD vào các học phần và các khóa học hiện có; 2) Thiết kế mới một khóa học về SD; 3) Tích hợp đan xen nội dung SD vào các học phần thông thường, phù hợp với đặc điểm của từng môn học và từng ngành học; 4) Tích hợp nội dung SD chuyên môn hóa phù hợp với từng khoa [7]. Các cách tiếp cận này được sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp lại với nhau. Như vậy, chia làm hai cách tiếp cận chính: 1) Tích hợp theo chiều dọc là toàn bộ một khóa học/một học phần tập trung vào chủ đề SD, hay nói cách khác, chủ đề SD chính là nội dung của khóa học, học phần; 2) Tích hợp theo chiều ngang là chủ đề SD được đề cập rải rác trong nhiều khóa học, môn học khác nhau, tức là đưa một phần nội dung SD vào chương trình đào tạo hiện tại [8]. Việc tích hợp ESD vào chương trình đào tạo giáo viên được triển khai qua ba khía cạnh: Nội dung học tập, phương pháp sư phạm, chuẩn đầu ra; trong đó, phương pháp sư phạm được khuyến khích trong ESD là phương pháp

lấy người học làm trung tâm, định hướng hành động và chuyên đổi [9].

Theo UNESCO (2005), đào tạo giáo viên được coi là “trái tim” của việc tái định hướng nền giáo dục cho mục tiêu giáo dục SD. Các cơ sở đào tạo giáo viên cần có những thay đổi về chương trình đào tạo để thúc đẩy việc thực hiện ESD và phát triển năng lực cho giáo viên nhằm đáp ứng các mục tiêu của ESD [10]. Các quốc gia tiên phong cho phong trào tích hợp nội dung ESD vào chương trình đào tạo giáo viên phổ thông như: Đức, Kenya, Jamaica [11], [12], [13]... Việc tích hợp ESD trong các cơ sở đào tạo giáo viên đang thu hút được sự quan tâm ngày càng lớn của các học giả trên thế giới. Mặc dù được khuyến khích nhưng số lượng cơ sở giáo dục đại học tích hợp ESD trong chương trình đào tạo của họ còn hạn chế [14]. Định hướng lại chương trình đào tạo đại học theo hướng tích hợp nội dung ESD vào chương trình là một lĩnh vực nghiên cứu mới xuất hiện. Các công trình nghiên cứu về quy trình triển khai chương trình đào tạo theo hướng ESD trong các cơ sở giáo dục đại học bắt đầu xuất hiện vào năm 1999 và số lượng ấn phẩm được xuất bản, công bố về chủ đề này ngày càng tăng [15]. Hầu hết các nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá nhận thức của sinh viên sư phạm về SD, tích hợp các năng lực ESD trong chương trình và thực hiện các nghiên cứu can thiệp nhằm thúc đẩy sự thay đổi thái độ, hành vi hoặc phát triển năng lực cho sinh viên sư phạm [16], [17], [18], [19], [20], [21]. Mặc dù một số tác giả đã thực hiện những nghiên cứu thúc đẩy ESD trong đào tạo giáo viên nhưng tích hợp các nguyên tắc ESD như thế nào trong chương trình thì chưa được chỉ rõ. Thực trạng này phù hợp với quan sát của UNESCO về việc thực hiện ESD trong những thập kỷ vừa qua: ESD thường được hiểu và thực hiện theo nghĩa hẹp với trọng tâm là tích hợp các chủ đề SD trong nội dung học tập. Trong khi đó, thực chất của ESD là một cách tiếp cận toàn diện bao gồm: Tiếp cận nội dung học tập, cách tiếp cận sư phạm để phát triển năng lực và tiếp cận đầu ra học tập nhằm thúc đẩy những thay đổi về hành vi cho một tương lai bền vững [9], [22]. Việc đánh giá chương trình đào tạo giáo viên dựa trên cách tiếp cận toàn diện như vậy giúp xác định được các điểm “đòn bẩy” cần tác động để hướng tới thúc đẩy mục tiêu ESD; đồng thời cung cấp cái nhìn toàn cảnh về khả năng, mức độ tích hợp các năng lực ESD và chỉ ra cơ hội để định hướng lại chương trình đào tạo (nếu cần) cho mục tiêu SD [16].

Đào tạo giáo viên là “chìa khóa” để thông qua và thực hiện chính sách ESD, có tầm quan trọng chiến lược để chuẩn bị cho những giáo viên tương lai có đủ năng lực thực hiện giáo dục học sinh về tầm quan trọng của SD [23]. Sinh viên trong mọi ngành học phải được học về ESD và hành động trong thực tiễn ngay khi học các

môn học ở đại học [24]. Do đó, những chương trình đào tạo giáo viên cần phải tích hợp ESD để chuẩn bị cho giáo viên ngày nay thực hiện sứ mệnh giáo dục cho sự bền vững trong tương lai và là biện pháp thiết thực, mang tính chất chiến lược, có tác động to lớn đến xã hội [25]. Tuy nhiên, việc tích hợp một cách có hệ thống nội dung SD vào chương trình giảng dạy vẫn là thách thức đối với nhiều trường đại học [26] vẫn tồn tại thực tế là hầu hết các giáo viên đều không thành thạo và am hiểu về SD, các cơ sở đào tạo giáo viên cũng không cung cấp bất kỳ nội dung nào để xây dựng kiến thức về SD cho giáo viên [27]. Điều này bắt nguồn một phần từ việc thiếu chiến lược tích hợp các nguyên tắc, mục tiêu của ESD trong chương trình đào tạo giáo viên một cách có hệ thống [21]. Giáo viên thiếu động lực và gặp những khó khăn trong việc tích hợp ESD vào chương trình giảng dạy của họ [26], [28].

Một khung quy trình tích hợp ESD với các hệ thống quản lý đã được phát triển trong mạng lưới 11 trường đại học ở các nước Bắc Âu, bao gồm: Lập kế hoạch, đánh giá, giám sát và thực hiện ESD. Khung này được áp dụng để hiện thực hóa việc thực hiện ESD trong chương trình đào tạo đại học sư phạm [29]. Mặc dù chương trình đào tạo giáo viên của Rumani hiện nay không thể hiện rõ mục tiêu phát triển năng lực ESD cho sinh viên nhưng tất cả chủ đề có trong chương trình đào tạo giáo viên của nước này đều đề cập tới năng lực ESD và được thể hiện bằng cách đưa năng lực ESD vào: 1) Khóa học về Tâm lý học của thanh thiếu niên, thanh niên và người lớn; 2) Khóa học về Thiết kế và quản lý chương trình đào tạo giáo viên; 3) Khóa học về Lý luận dạy học bộ môn; 4) Thực hành sư phạm. Với cách làm này, chương trình đào tạo giáo viên có ý nghĩa rõ ràng và thực tiễn, đưa ra câu trả lời cho câu hỏi “Làm thế nào để đào tạo sư phạm tốt hơn?” [25]. Cung cấp chương trình giảng dạy theo phương thức tích hợp các công cụ kỹ thuật số và học tập kết hợp để thúc đẩy ESD thông qua những khóa đào tạo cho sinh viên sư phạm, giáo viên phổ thông môn Khoa học và Toán là chiến lược hiệu quả để tái khẳng định vai trò của giáo viên như một phương tiện tạo ra sự thay đổi xã hội trong SD [30]. Nghiên cứu về mức độ hiểu biết, thái độ và hành vi đối với ESD của những người chủ chốt trong chương trình đào tạo giáo viên, đặc biệt là môn Sinh học (người học, nhà giáo dục, quản trị viên và nhân viên hỗ trợ) từ khoa Sinh học của một trường đại học công lập ở Malaysia đã chỉ ra rằng, sự sẵn sàng của giáo viên trong thiết kế chương trình giảng dạy tích hợp ESD là yếu tố quyết định và đây là một yếu tố bắt buộc mới trong chương trình đào tạo giáo viên [31].

Ở Việt Nam, Ủy ban Quốc gia về Thập kỷ ESD (2005 - 2014) sau khi được thành lập đã đưa ra các mục tiêu của thập kỷ, trong đó có: 1) Tích hợp các nội dung SD

vào hệ thống giáo dục các cấp; 2) Tích hợp ESD vào các chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội [32]. Trong bối cảnh đó, nhiều hội nghị, hội thảo khoa học diễn ra nhằm cụ thể hoá các mục tiêu của thập kỷ. Hội thảo khoa học “Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hoá” diễn ra vào tháng 12 năm 2005 tại Hà Nội đã thu hút được nhiều bài viết có giá trị với các nội dung được thể hiện rõ như: Không nên coi ESD là một môn học phát sinh mà đây là một phương pháp tiếp cận lồng ghép và tổng thể, trong đó SD được xem là bối cảnh cho các mục đích giáo dục hiện thời chứ không phải một ưu tiên cạnh tranh với các ưu tiên khác; cần biến ESD trở thành sợi chỉ xuyên suốt quá trình học tập từ mầm non đến đại học ở hệ thống giáo dục chính quy và không chính quy; cơ quan lập pháp và hoạch định chính sách đóng vai trò thúc đẩy các hoạt động ESD, cần có sự phối hợp liên ngành; các nội dung SD cần trở thành một chủ đề để lồng ghép vào chương trình của các cơ sở đào tạo giáo viên [33], [34]. Các con đường và cách tiếp cận để tích hợp, lồng ghép ESD vào chương trình đào tạo giáo viên của các trường đại học sư phạm gồm: 1) Xây dựng và phát triển mô hình đổi mới về đào tạo giáo viên; 2) Tích hợp, lồng ghép ESD vào trong các mục tiêu đào tạo giáo viên; 3) Tích hợp, lồng ghép ESD vào nội dung đào tạo giáo viên; 4) Tích hợp, lồng ghép ESD thông qua dạy học liên môn, liên ngành; 5) Tổ chức hoạt động ESD nhân dịp các ngày lễ trong năm học [35]. Như vậy, tích hợp, lồng ghép những nội dung ESD vào tất cả các khâu của quá trình dạy học mà không cần thiết phải hình thành môn học/chuyên đề riêng trong chương trình đào tạo giáo viên. Tuy nhiên, khả năng tích hợp nội dung ESD ở các môn học trong nhà trường đại học sư phạm không đồng nhất [35], [36]. Một số ngành có xu hướng tích hợp nhiều nội dung SD bao gồm: Địa lý, Sinh học, Giáo dục công dân, Hóa học, Giáo dục mầm non, Giáo dục đặc biệt, Vật lý, Khoa học tự nhiên [9]. Do đó, phải tích hợp ESD ở tất cả môn học trong đào tạo giáo viên, đúng như khuyến nghị của Viện Giáo dục vì Hòa bình và SD Mahatma Gandhi của UNESCO [37]. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, Địa lý được xem là một trong những môn có nhiều khả năng nhất do môn này có tính tổng hợp cao, bao gồm kiến thức về tự nhiên, kinh tế và xã hội [35], [36]. Chương trình dạy học Địa lý ở trường sư phạm có nhiều thuận lợi vì các kiến thức Địa lý đều liên quan đến ESD về văn hoá - xã hội, kinh tế và môi trường. Tuy nhiên, mỗi giáo trình của khoa Địa lý lại liên quan đến từng học phần, giúp người học không chỉ hình thành kiến thức mà còn hình thành các kỹ năng như suy nghĩ có phê phán, giải quyết vấn đề, các giá trị, sự tham gia ở địa phương [38]. Ngay trong cùng một ngành thì khả năng tích hợp ESD cũng khác nhau. Ví dụ, trong số các môn học thuộc ngành Địa lý thì môn Địa lý tự nhiên Việt

Nam có nhiều khả năng lồng ghép nội dung ESD vào chương trình và nội dung giảng dạy nhất [39]. Thực tế, các nội dung/chủ đề SD đã được tích hợp trong chương trình đào tạo giáo viên ở một số cơ sở đào tạo giáo viên của Việt Nam. Tuy nhiên, các kiến thức này chưa được định vị rõ nét trong bối cảnh SD để sinh viên sư phạm nhận thức một cách có hệ thống hơn về các nội dung của SD, chưa có một chiến lược toàn diện trong việc tích hợp các khía cạnh, nguyên tắc của ESD trong chương trình đào tạo giáo viên. Do vậy, trước tiên, các khía cạnh, nguyên tắc của ESD nên được cụ thể hóa trong chiến lược xây dựng chương trình cũng như các tuyên bố về tầm nhìn, sứ mệnh của nhà trường đại học sư phạm [9].

Không chỉ dừng lại ở việc đưa nội dung ESD vào chương trình đào tạo giáo viên thế nào, điều quan trọng là sau khi ra trường (đầu ra), sinh viên sư phạm phải có được năng lực nghề nghiệp để thực hiện ESD (năng lực ESD). Theo đó, Nguyễn Phương Thảo và cộng sự (2021) đã chỉ ra khung năng lực nghề nghiệp của giáo viên để thực hiện ESD gồm ba thành tố: Kiến thức chuyên môn; Kỹ năng sư phạm; Động lực và mong muốn [40]; hay Khung năng lực SD của người học được đề xuất bởi Kiều Thị Kính và cộng sự (2022) gồm bốn thành tố: Kiến thức về SD; Kỹ năng về SD; Hành động về SD; Giá trị về SD [41]. Mặc dù các thành tố có khác nhau nhưng về cơ bản, khung năng lực SD hay ESD của các tác giả là tương đồng. Các nghiên cứu về năng lực ESD của các nhà giáo dục hầu hết được thực hiện ở các nước phương Tây. Tuy nhiên, năng lực không tồn tại độc lập mà cần được xem xét trong bối cảnh giảng dạy, trường học, văn hóa và xã hội cụ thể. Điều này được Thao và cộng sự (2022) cụ thể hoá vào bối cảnh Việt Nam trong một nghiên cứu điều tra năng lực chuyên môn cụ thể của giáo viên để thực hiện ESD. Theo đó, các tác giả đã thực hiện một nghiên cứu Delphi với 08 chuyên gia ESD tại Việt Nam và kết quả cho thấy, có 13 năng lực liên quan đến ba khía cạnh (Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng sư phạm, Động lực và mong muốn) đã được các chuyên gia nhấn mạnh [42]. Xác định được khung năng lực này là nền tảng để phát triển các chương trình đào tạo giáo viên thực hiện ESD ở những cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

Nhiều nghiên cứu tập trung đi sâu vào cách làm cụ thể trong tổ chức hoạt động dạy học tích hợp ESD cho sinh viên với một số phương pháp, hình thức, quan điểm, công cụ dạy học như: Hình thức dạy học nội khoá và ngoại khoá, trong đó giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học dự án, dạy học hợp đồng, dạy học theo góc, dạy học tình huống, tổ chức hoạt động trải nghiệm, dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm và định hướng hành động [35], [39], [43]. Tích hợp ESD vào dạy học một chủ đề

cụ thể cũng được các tác giả quy trình hoá với các bước và ví dụ cụ thể như: Vương Thị Ngọc Loan và cộng sự (2020), Trần Đức Tuấn và cộng sự (2019) [35], [43]. Đây là những ví dụ thực tiễn giúp cho các trường đại học, cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên vận dụng linh hoạt để thực hiện thành công mục tiêu ESD.

2.2. Các nghiên cứu về tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học ở trường phổ thông

Trên thế giới, thuật ngữ “Tích hợp ESD” được nhắc đến vào năm 1992 trong Chương 36 của Chương trình Nghị sự 21 về SD. Bàn về vấn đề tích hợp ESD trong các môn học ở nhà trường phổ thông, UNESCO cung cấp nguồn tài liệu chi tiết về cách tích hợp nội dung ESD trong các môn học, đặc biệt là sự lựa chọn các nội dung làm sao để có sự gắn kết một cách khoa học giữa SD với các môn học mà vẫn giữ được đặc trưng của môn học đó, đồng thời tích hợp hiệu quả và không gây quá tải cho người học. Ngoài ra, để đạt được nguyên tắc ESD trong môn học, cần lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp và một trong những quan điểm dạy học phù hợp ở đây là “Dạy học lấy người học làm trung tâm” [37]. Phong trào tích hợp ESD vào các môn học ở trường phổ thông được các quốc gia thực hiện tương đối phổ biến: Đối với các môn xã hội ở Đông Nam Á [44], môn Văn học ở Jamaica [13], môn Khoa học ở Nam Phi [45]... Để phù hợp với đặc điểm đất nước và tôn giáo, Kenya đã lựa chọn các nội dung ESD tích hợp trong dạy học ở nhà trường phổ thông hướng tới trở thành một “trường học sinh thái” gồm: Nước, y tế, vệ sinh môi trường, rác thải, năng lượng, đa dạng sinh học, nông nghiệp, biến đổi khí hậu [12]. Trước những thách thức to lớn của thế kỉ XXI, Đức đã thể chế hóa hai chương trình chủ chốt về đổi mới nhà trường phổ thông theo những định hướng ESD; trong đó, Chương trình BKL 21 tập trung vào hai trọng tâm lớn là: Phát triển các phương pháp mới, các con đường mới để định vị ESD vào trong các trường phổ thông và Phát triển các nguồn tài nguyên (tài liệu) để tiến hành ESD [11]. Ngay từ những năm 90 của thế kỉ XX, Canada bắt đầu chú trọng đưa các quan điểm ESD vào thực tiễn của nhà trường phổ thông, thể hiện qua việc xuất bản tài liệu “Học tập vì một tương lai bền vững” (1996) và công bố chiến lược ESD (1999). Theo đó, giáo viên được khuyến khích tích hợp, lồng ghép các vấn đề về SD vào trong quá trình dạy học nhằm nâng cao sự hiểu biết của học sinh về các vấn đề môi trường, kinh tế, xã hội và các quan hệ mật thiết giữa chúng với nhau [46]. Hoa Kỳ không có môn học hay chuyên ngành riêng về ESD và việc tích hợp ESD vào các chương trình giáo dục phổ thông gặp những trở ngại không nhỏ. Trong bối cảnh như vậy, các nhà giáo dục, nhà thiết kế chương trình và biên soạn sách giáo khoa cũng như các cán bộ quản lí

giáo dục đã và đang nỗ lực để có một bộ môn riêng biệt về ESD hay tích hợp nó vào chương trình hiện hành [47]. Nhằm mục đích tích hợp ESD vào chương trình giảng dạy lớp 7 với trọng tâm cụ thể là biến đổi khí hậu, chiến lược “Làm một việc” đã được Muller và Wood (2021) sử dụng để xác định việc học về biến đổi khí hậu và cho phép cả người học và thành viên cộng đồng xác định hành động để thay đổi. Kết quả cho thấy, người học không chỉ có được kiến thức về nguyên nhân và hậu quả của biến đổi khí hậu mà tiềm năng của người học và các thành viên cộng đồng trong việc xác định những hành động có thể thực hiện để thay đổi cũng tăng lên [48]. Đây là một phương pháp nghiên cứu hành động nhằm tích hợp giáo dục môi trường để ESD ở các địa phương cụ thể.

Ở Việt Nam, thực hiện mục tiêu “Tích hợp các nội dung SD vào hệ thống giáo dục các cấp” của thập kỷ ESD (2005-2014), ngay từ những năm đầu tiên đã có nhiều nghiên cứu tập trung đưa ra cách thức/giải pháp tích hợp ESD vào Chương trình Giáo dục phổ thông hoặc trong dạy học các lĩnh vực/môn học/hoạt động giáo dục. Theo đó, có hai cách đưa ESD vào chương trình bậc phổ thông: 1) Định hướng lại chương trình giáo dục hiện hành ở mọi cấp học: Các nội dung SD đã có trong chương trình cần được thiết kế khai thác triệt để trong các bài học, cho các cấp học; 2) Thiết kế các bài học, tiết học có khai thác ESD từ chương trình giáo dục hiện hành: Bất cứ môn học nào cũng có thể khai thác cho ESD. Nếu xem các khái niệm cơ bản của từng môn học được biểu diễn trên trục dọc của chương trình theo thời gian thì ESD là các nhánh nhỏ, xuất phát từ chương trình đó, củng cố và bổ sung ý nghĩa cho các khái niệm đã hình thành. Giá trị của ESD phải là các khái niệm mang tính hệ thống, được các giáo viên bộ môn nắm vững và khai thác một cách có ý thức, tại từng thời điểm thích hợp, phù hợp với đặc điểm kinh tế, môi trường của từng địa phương [49]. Các nội dung SD chủ trọng lồng ghép vào các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường; căn cứ vào mục tiêu của từng cấp học, căn cứ vào mục tiêu SD mà cụ thể hoá trong chương trình và sách giáo khoa các nội dung SD phù hợp với từng lứa tuổi học sinh [34]. Đặc biệt, vào thời điểm đầu của thập kỷ ESD (2005 - 2014), Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 được triển khai, vấn đề tích hợp nội dung ESD của UNESCO vào Chương trình được thực hiện với các nội dung như: Trường học thân thiện, học sinh tích cực; Các khái niệm cơ bản được tích hợp là: Sự phụ thuộc lẫn nhau, sự đa dạng, quyền công dân và quản lí, quyền hạn và trách nhiệm, công bằng và công lí, năng lực thực hiện, sự không chắc chắn và thận trọng. ESD thông qua môn học chính làm cho chương trình không bị quá tải [50]. Từ khoá “Phát triển bền vững” cũng được xuất hiện trong Chương trình Giáo

dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, chương trình chưa thể hiện rõ quan điểm, mục tiêu tích hợp ESD một cách rõ nét [51]. Do vậy, quá trình thực hiện chương trình các môn học phải xác định rõ cách thức và mức độ tích hợp ESD ở từng nội dung cụ thể, coi đó là mục tiêu của quá trình dạy học.

Ở trường phổ thông hiện nay, tất cả các môn học đều có cơ hội và khả năng tham gia tích cực vào ESD [35], [36]. Các chủ đề ESD được soạn thảo đặc trưng cho từng môn học và phù hợp với bài học trong chương trình sao cho kiến thức của bài học liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các chủ đề SD [52]. Các nội dung dạy học không thể thêm vào trong chương trình một cách tùy tiện vì làm cho chương trình quá tải. Việc tích hợp nội dung ESD trong dạy học Địa lí vừa tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa môn “mẹ” với chủ đề được tích hợp, vừa giúp người học được tiếp cận với thực tiễn, tránh trùng lặp với các môn học khác, không làm lu mờ môn học chính [53].

Các nghiên cứu có xu hướng tập trung vào đề xuất quy trình tích hợp ESD trong các môn học, chủ đề hoặc bài học cụ thể. Đoàn Thị Thanh Phương (2020) đề xuất quy trình tổ chức dạy học tích hợp nội dung ESD trong chương trình Địa lí 10 ở trường trung học phổ thông gồm ba giai đoạn với các bước tương đối cụ thể [36]. Mặc dù thao tác trên nội dung môn Địa lí lớp 10 nhưng cách thức triển khai của nghiên cứu này đã gợi mở để chúng tôi khái quát và bổ sung thành nguyên lí chung cho tất cả môn học và hoạt động giáo dục. Cách thức tích hợp các nội dung ESD vào bài học cụ thể cũng được Nguyễn Văn Đông (2021) chỉ rõ khi dạy học một số bài trong sách giáo khoa Địa lí 8 với các mức độ tích hợp khác nhau [54]. Lồng ghép mục tiêu ESD trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được Trần Thị Thịnh (2023) quy trình hoá gồm ba bước [55]. Về cơ bản, các bước trong quy trình này có nét tương đồng với nghiên cứu của Đoàn Thị Thanh Phương [36]. Tích hợp, lồng ghép ESD vào một số môn học ở trường trung học phổ thông (Toán, Vật lí, Công nghệ) cũng được Trần Đức Tuấn và cộng sự (2019) hướng dẫn cụ thể với các nội dung: 1) Lựa chọn nội dung và địa chỉ tích hợp, lồng ghép; 2) Lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp với môn học; 3) Những trở ngại, khó khăn và hướng giải quyết [35].

Đi sâu vào các biện pháp tích hợp ESD trong dạy học cũng được các tác giả quan tâm nghiên cứu. Đối với dạy học theo dự án, khi xây dựng chủ đề dự án gắn với ESD, việc tổ chức dạy học dự án được lồng ghép trong giờ học và cần thiết kế dự án phù hợp với khung thời lượng cho phép hoặc trải dài ra nhiều tiết học với các pha riêng biệt để tạo điều kiện cho tất cả học sinh tham gia, đồng thời giáo dục được tinh thần trách nhiệm và

ý thức về SD. Khi thực hiện các dự án ESD ngoài trời, giáo viên lưu ý học sinh tham khảo thêm ý kiến hoặc sự hỗ trợ của phụ huynh, người dân địa phương, cán bộ làm công tác Đoàn - Hội để dự án thêm hiệu quả [36], [56].

Một số nghiên cứu tích hợp các thành tố của nội dung SD (kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường) vào dạy học cũng được chú trọng. Điển hình như: Dương Tiến Sỹ (1999), Nguyễn Thị Việt Hà (2019), Nguyễn Tất Thắng (2018), Nguyễn Thị Quyên (2021) [57], [58], [59], [60]. Có thể thấy, mặc dù không thể hiện rõ từ khoá “ESD” trong chủ đề nghiên cứu nhưng cách thức triển khai các nghiên cứu này nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục môi trường và biến đổi khí hậu (thành tố của ESD) đã cho thấy một cách làm bài bản về dạy học tích hợp, có sự tương đồng với nghiên cứu của Đoàn Thị Thanh Phương [36]. Do đó, chúng tôi sẽ chọn lọc, kế thừa và phát triển thành lí luận chung đối với giáo dục phổ thông trong nghiên cứu của mình.

Đưa vào thực nghiệm các bài dạy chủ đề “Môi trường và sự SD” theo Chương trình Địa lí 10 (Chương trình Địa lí 2006, ban Cơ bản) có tích hợp ESD trên đối tượng học sinh, Nguyễn Phương Thảo và cộng sự đã chỉ ra hiệu quả của việc tích hợp ESD đối với sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh về SD, qua đó khẳng định: Trong quá trình dạy học, không chỉ với môn Địa lí mà còn với các môn học khác, giáo viên cần có kiến thức về SD, các chủ đề nội dung của SD và sự cần thiết của SD. Giáo viên cần hiểu về cách thức thực hiện ESD thông qua các khía cạnh tích hợp về nội dung, thay đổi phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm và định hướng phát triển năng lực (định hướng đầu ra). Trong đó, việc thay đổi phương pháp dạy học cần được thực hiện kết hợp với việc sử dụng các nguồn tài nguyên học tập đa dạng để thúc đẩy học sinh phát triển tư duy đa chiều. Để làm được điều này, vai trò của nhà trường rất quan trọng. Nhà trường phổ thông cần khuyến khích và động viên giáo viên trong việc tích cực xây dựng các bài dạy, chủ đề có tích hợp ESD để thay đổi về nhận thức, thái độ và hành vi cho học sinh về SD [61].

3. Kết luận

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu về tích hợp ESD trong đào tạo giáo viên và dạy học ở trường phổ thông, nhóm tác giả rút ra một số nhận định như sau:

Thứ nhất, các cơ sở đào tạo giáo viên trên thế giới

và Việt Nam đã quan tâm chú trọng tích hợp ESD vào chương trình đào tạo theo các cách tiếp cận, mức độ tích hợp khác nhau. Tuy nhiên, các nhà trường chưa có chiến lược toàn diện, bài bản, hệ thống trong việc tích hợp các khía cạnh, nguyên tắc của ESD trong chương trình đào tạo giáo viên. Việc làm này chủ yếu tập trung ở một số ngành/môn học có nhiều cơ hội ESD, trong khi tất cả đều có cơ hội và khả năng tham gia tích cực vào ESD. Do vậy, trong tương lai, các cơ sở đào tạo giáo viên cần cụ thể hóa trong chiến lược xây dựng chương trình cũng như các tuyên bố về tầm nhìn, sứ mệnh của nhà trường và cam kết thực hiện từ lãnh đạo cấp cao đến quản lí phòng ban, các giảng viên, nhân viên; lấy cam kết đó làm “kim chỉ nam” cho quá trình hoạch định các chính sách giáo dục của nhà trường để ESD được tích hợp vào ở tất cả các khâu của quá trình giáo dục và đào tạo, đặc biệt là chú trọng vào đầu ra của sinh viên (năng lực ESD) vì đây là lực lượng quyết định sự thành công trong thực hiện mục tiêu SD bền vững ở nhà trường phổ thông.

Thứ hai, vấn đề tích hợp ESD vào chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở Việt Nam và một số nước trên thế giới đã được ngành Giáo dục quan tâm từ khá sớm, nhưng thể hiện chưa rõ nét và không đồng đều ở các môn học và hoạt động giáo dục, cách tiếp cận và mức độ tích hợp cũng khác nhau. Tích hợp ESD trong dạy học chủ yếu diễn ra ở một số môn học có nhiều cơ hội hơn như Địa lí, Sinh học và một số môn học khác. Chưa có nhiều nghiên cứu một cách bài bản về cách thức tích hợp ESD cho từng chủ đề/môn học/hoạt động giáo dục cụ thể cũng như cách tổ chức hoạt động dạy học để đạt được mục tiêu ESD. Do đó, cần có những nghiên cứu đưa ra hướng dẫn cụ thể ở từng môn học/lĩnh vực và hoạt động giáo dục nhất định cũng như một mô hình chung cho tích hợp ESD trong dạy học ở trường phổ thông.

Kết quả của nghiên cứu này sẽ là cơ sở quan trọng để chúng tôi xây dựng khung lí thuyết về tích hợp ESD trong dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của giáo viên cũng như quản lí hoạt động này đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và mục tiêu của ESD toàn cầu. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho lãnh đạo, cán bộ quản lí các trường đại học sư phạm, giảng viên, các nhà nghiên cứu, cán bộ quản lí trường học, giáo viên trường phổ thông trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] UNESCO, (2014), *Shaping the Future We Want UN Decade of Education for Sustainable Development, 2005-2014 Final Report*, In United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, <https://doi.org/10.5363/tits.11.4-46>.

[2] Cao Thị Hằng - Lê Ngọc Vịnh, (2019), *Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên các môn khoa học tự nhiên ở trường trung học cơ sở thông qua vận dụng*

- dạy học dự án*, Kì yếu Hội nghị Hóa học toàn quốc lần thứ 8 “Hóa học Việt Nam vì sự phát triển bền vững”, tr. 174-179, Hà Nội.
- [3] Nguyen, T. T. T., Nguyen, M. D., Cao, T. K., & Dang, T. O. (2019), *Practical investigating of STEM integrated teaching competence of preservice science teachers in Vietnam*, 2nd International Conference on Teacher Education Renovation (ICTER) conjunction with The International Annual Meeting on STEM Education (IAM STEM 2019).
- [4] Vũ Thị Thu Hoài, (2020), *Thực trạng và giải pháp phát triển năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên hóa học phổ thông*, Tạp chí Khoa học (Khoa học Giáo dục), Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 36, số 2, tr.17-26, <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4403>.
- [5] Chu Thị Hào, (2014), *Thực trạng năng lực dạy học tích hợp của giáo viên trung học cơ sở tỉnh Phú Thọ theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 469, tr.17-21.
- [6] Johnston, M. P. (2014), *Secondary data analysis: A method of which the time has come*, Qualitative and Quantitative Methods in Libraries, 3(3), pp. 619-626.
- [7] Lozano, R. (2010), *Diffusion of sustainable development in universities' curricula: an empirical example from Cardiff University*, Journal of cleaner production, 18(7), pp.637-644, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2009.07.005>.
- [8] Barrella, E., & Watson, M. K. (2016), *Comparing the outcomes of horizontal and vertical integration of sustainability content into engineering curricula using concept maps*, Springer International Publishing, pp. 1-13. <https://doi.org/10.1007/978-3-319-32933-8>.
- [9] Nguyễn Phương Thảo, (2022), *Tích hợp các nội dung phát triển bền vững trong chương trình đào tạo giáo viên: Nghiên cứu tại ba cơ sở đào tạo giáo viên của Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, tập 22, Số 21, tr.1-8.
- [10] UNESCO, (2005), *Guidelines and recommendations for reorienting teacher education to address sustainability*, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/%0Apf0000143370>.
- [11] Schlegel, J. (1996), *Bund-Länder-Kommission für Bildungsplanung und Forschungsförderung (BLK)*, Springer.
- [12] Otieno, (2012), *Faith-based education for sustainable development - teacher's toolkit*, Kenya.
- [13] UNESCO, (2017), *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*, The Global Education 2030 Agenda, Paris, France.
- [14] Fiselier, E. S., Longhurst, J. W. S. & Gough, G. K. (2018), *Exploring the current position of ESD in UK higher education institutions*, International Journal of Sustainability in Higher Education, 19(2), pp.393-412, <https://doi.org/10.1108/IJSHE-06-2017-0084>.
- [15] Krah, J. M., Reimann, J., & Molitor, H. (2021), *Sustainability in Brandenburg study programs, perspectives for anchoring sustainability in higher education curricula*, Sustainability (Switzerland), 13(7), 3958, <https://doi.org/10.3390/su13073958>
- [16] Lambrechts, W., & Ceulemans, K. (2013), *Sustainability assessment in higher education: evaluating the use of the auditing instrument for sustainability in higher education (AISHE) in Belgium*, In Sustainability assessment tools in higher education institut, pp. 157-174, Springer.
- [17] Kieu, T. K. (2017), *Training teachers in education for sustainable development approaches, principles and competencies: Case study in Central Vietnam*, Kyoto University.
- [18] Major, L., Namestovski, Ž., Horák, R., Bagány, Á., & Krekić, V. P. (2017), *Teach it to sustain it! Environmental attitudes of Hungarian teacher training students in Serbia*, Journal of Cleaner Production, 154, pp. 255-268, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2017.03.163>.
- [19] Bürgener, L., & Barth, M. (2017, November), *Sustainability competencies in teacher education: Making teacher education count in everyday school practice*, Journal of Cleaner Production, 174, pp.821-826, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2017.10.263>.
- [20] Brandt, J. O., Bürgener, L., Barth, M., & Redman, A. (2019), *Becoming a competent teacher in education for sustainable development: Learning outcomes and processes in teacher education*, International Journal of Sustainability in Higher Education, <https://doi.org/10.1108/IJSHE-10-2018-0183>.
- [21] Nguyen, A. N., Nguyen, T. P., Kieu, K. T., Nguyen, Y. T. H., Dang, D. T., Singer, J., ... & Lambrechts, W. (2022), *Assessing teacher training programs for the prevalence of sustainability in learning outcomes, learning content and didactic approaches*, Journal of Cleaner Production, 365, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.132786>.
- [22] UNESCO, (2020), *Education for sustainable development: A road map*, <https://doi.org/10.4324/9781003022763-5>.
- [23] Ferreira, J. A., Ryan, L., & Tilbury, D. (2007), *Mainstreaming education for sustainable development in initial teacher education in Australia: a review of existing professional development models*, Journal of Education for Teaching, 33(2), pp. 225-239.
- [24] Stewart, M. (2010), *Transforming Higher Education: A Practical Plan for Integrating Sustainability Education into the Student Experience*, Journal of Sustainability Education, 1(1), pp.195-203.
- [25] Dumitru, D. E. (2017), *Reorienting higher education pedagogical and professional development curricula toward sustainability—a Romanian perspective*, International Journal of Sustainability in Higher Education, 18(6), pp. 894-907, <https://doi.org/10.1108/IJSHE-03-2016-0046>.
- [26] Brahm, T., & Kühner, P. (2019), *Faculty motivation as a key for integrating sustainable development in higher education curricula*, International Journal of Innovation and Sustainable Development, 13(2), pp.181-197.
- [27] Merritt, E., Hale, A., & Archambault, L. (2018), *Changes in pre-service teachers' values, sense of agency, motivation and consumption practices: A case study of an education for sustainability course*, Sustainability, 11(1), p.155.
- [28] Cotton, D., Bailey, I., Warren, M., & Bissell, S. (2009), *Revolutions and second-best solutions: Education for sustainable development in higher education*, Studies in Higher Education, 34(7), pp. 719-733.
- [29] Holm, T., Sammalisto, K., Grindsted, T. S., &

- Vuorisalo, T. (2015), *Process framework for identifying sustainability aspects in university curricula and integrating education for sustainable development*, Journal of Cleaner Production, 106, pp. 164-174, <http://dx.doi.org/10.1016/j.jclepro.2015.04.059>.
- [30] Chin, C. K., Munip, H., Miyadera, R., Thoe, N. K., Ch'ng, Y. S., & Promsing, N. (2018), *Promoting education for sustainable development in teacher education integrating blended learning and digital tools: An evaluation with exemplary cases*, Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education, 15(1), <https://doi.org/10.29333/ejmste/99513>.
- [31] Desa, S., Abdullah, M. S., Ab Mutalib, N. H., & Mansor, R. (2021), *The Readiness Of Integrating Sustainable Development Into Biology Teacher Education Program*, Jurnal Cakrawala Pendidikan, 40(2), pp. 305-315, <https://doi.org/10.21831/cp.v40i2.37116>.
- [32] Thủ tướng Chính phủ, (11/11/2005), *Quyết định số 295/2005/QĐ-TTG về việc Thành lập Ủy ban Quốc gia về thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam (2005 - 2014)*, Hà Nội.
- [33] Nguyễn Thị Thu Hà, (12/2005), *Giáo dục phát triển bền vững: Hiểu thế nào cho đúng?*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa”, Hà Nội, tr.314-316.
- [34] Dương Quang Ngọc, (12/2005), *Giáo dục phát triển bền vững trong nhà trường phổ thông Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa”, Hà Nội, tr. 291-295.
- [35] Trần Đức Tuấn (đồng chủ biên) - Nguyễn Kim Hồng (đồng chủ biên) - Trần Lê Bảo - Nguyễn Văn Biên - Nguyễn Trọng Khanh - Lê Tuấn Anh - Vũ Thị Hồng Ngọc - Phạm Thị Bình - Nguyễn Võ Thuận Thành - Lê Thị Lành - Lê Thị Hồng Phương - Hà Văn Thắng - Nguyễn Thị Thanh Vân, (2019), *Giáo trình giáo dục vì sự phát triển bền vững*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [36] Đoàn Thị Thanh Phương, (2020), *Tích hợp nội dung giáo dục phát triển bền vững trong dạy học Địa lí 10 ở trường trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [37] UNESCO, MGIEP, (2017), *Textbooks for sustainable development - A guide to embedding*, New Delhi.
- [38] Nguyễn Thị Thu Hằng, (2008), *Tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững vào các phần địa lí ở trường đại học sư phạm*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tập 53, số 8, tr. 77-84.
- [39] Nguyễn Thị Ngà, (2010), *Lồng ghép nội dung giáo dục vì sự phát triển bền vững qua môn Địa lí tự nhiên Việt Nam cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Điện Biên*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 7, tr. 27-29.
- [40] Nguyễn Phương Thảo - Nguyễn Ngọc Ánh - Nguyễn Diệu Cúc - Nguyễn Thị Hoàng Yến - Nguyễn Văn Hạnh, (2021), *Xây dựng khung lý thuyết về năng lực nghề nghiệp giáo viên trong bối cảnh giáo dục phát triển bền vững tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Khoa học giáo dục), tập 66, số 3, tr.11-23, <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2021-0038>.
- [41] Kiều Thị Kính - Nguyễn Thu Hà - Nguyễn Phương Thảo, (2022), *Xây dựng khung lý thuyết về năng lực phát triển bền vững của sinh viên trong bối cảnh giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Khoa học giáo dục), tập 67, số 5, tr.29-41, <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2022-0161>.
- [42] Thao, N. P., Kieu, T. K., Schrufer, G., Nguyen, N. A., Nguyen, Y. T. H., Vien Thong, N., ... & Van Hanh, N. (2022), *Teachers' competencies in education for sustainable development in the context of Vietnam*, International Journal of Sustainability in Higher Education, 23(7), pp. 1730-1748.
- [43] Vương Thị Ngọc Loan - Trần Thị Gái - Kiều Thị Kính, (2020), *Quy trình tích hợp giáo dục phát triển bền vững thông qua hoạt động trải nghiệm trong học phần “Môi trường và con người” ở bậc Đại học*, Tạp chí Giáo dục, số 483, tr. 50-54.
- [44] Innotech, S. E. A. M. E. O, (2010), *Integrating education for sustainable development into secondary education social studies curriculum in Southeast Asia: A toolkit for educators, curriculum developers, and ESD advocates*, Regional Center for Education Innovation and Technology, Quezon City: Philippines.
- [45] Dube, T., & Lubben, F, (2011), *Swazi teachers' views on the use of cultural knowledge for integrating education for sustainable development into science teaching*, African Journal of Research in Mathematics, Science and Technology Education, 15(3), pp. 68-83, <http://dx.doi.org/10.1080/10288457.2011.10740719>.
- [46] Council of Ministers of Education, Canada, (2009), *Education for Sustainable Development in Canadian Faculties of Education*.
- [47] Feinstein, N., (2009), *Education for sustainable development in the United States of America, Climate change and sustainable development: the response from education*, Danish School of Education University of Aarhus, Aarhus, pp. 309-355.
- [48] Muller, I., & Wood, L. (2021), *Raising Awareness of Agency to Address Climate Change: The Do One Thing (DOT) Strategy*, Educational Research for Social Change, 10(2), pp. 47-62, <http://dx.doi.org/10.17159/2221-4070/2021/v10i2a4>.
- [49] Ngô Thị Tuyên, (12/2005), *Đưa giáo dục phát triển bền vững vào trường phổ thông Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa”, Hà Nội, tr.280-283.
- [50] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (05/5/2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông* (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT).
- [51] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).
- [52] Tường Duy Hải - Đỗ Hương Trà, (2014), *Giáo dục vì sự phát triển bền vững qua tổ chức dạy học dự án khai thác năng lượng mặt trời trong dạy học Vật lí ở trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tập 59, số 1, tr. 27-36.
- [53] Nguyễn Thị Thán, (2009), *Tích hợp Giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [54] Nguyễn Văn Đông, (2021), *Dạy học tích hợp giáo dục*

- phát triển bền vững qua nội dung một số bài trong sách giáo khoa Địa lí lớp 8, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 172, tr. 62-65.
- [55] Trần Thị Thịnh, (2023), *Lồng ghép mục tiêu giáo dục vì sự phát triển bền vững trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Tạp chí Giáo dục, tập 23, số đặc biệt 5, tr. 86-90.
- [56] Đoàn Thị Thanh Phương, (2020), *Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức dạy học tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong môn Địa lí 10 ở trường trung học phổ thông*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Khoa học giáo dục), tập 65, số 4, tr. 39-47.
- [57] Dương Tiến Sỹ, (1999), *Giáo dục môi trường qua dạy học sinh thái học lớp 11 phổ thông trung học*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [58] Nguyễn Thị Việt Hà, (2019), *Sử dụng phương pháp dạy học dự án nhằm nâng cao năng lực dạy học tích hợp giáo dục biến đổi khí hậu cho sinh viên sư phạm Địa lí*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [59] Nguyễn Tất Thắng, (2018), *Tích hợp giáo dục biến đổi khí hậu trong dạy học sinh học trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [60] Nguyễn Thị Quyên, (2021), *Xây dựng và sử dụng các chủ đề tích hợp giáo dục môi trường và biến đổi khí hậu trong dạy học Sinh học các cấp độ tổ chức sống trên cơ thể ở trường phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [61] Nguyễn Phương Thảo - Lê Ngân Hà - Nguyễn Ngọc Ánh - Nguyễn Văn Hạnh - Kiều Thị Kính - Nguyễn Thị Hoàng Yến - Nguyễn Diệu Cúc, (2022), *Đánh giá sự thay đổi nhận thức của học sinh phổ thông về phát triển bền vững*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 18, số 13, tr.23-29.

INTEGRATING EDUCATION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT INTO TRAINING TEACHER AND TEACHING IN GENERAL SCHOOLS: A LITERATURE REVIEW STUDY

Bui Thi Thanh Nhan¹, Ha Van Dung^{*2}

¹ Email: nhannhan772022nct@gmail.com
 Nguyen Chi Thanh High School
 No. 1A Nguyen Hien Le, Tan Binh district,
 Ho Chi Minh City, Vietnam

* Corresponding author

² Email: dung.bio.sphn.th@gmail.com
 Vietnam Journal of Education
 No. 4 Trinh Hoai Duc street, Dong Da district,
 Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: Responding to the United Nations Decade Education for Sustainable Development (2005-2014), Vietnam has taken concrete steps in which education is considered the most effective way to achieve sustainable development goals. Accordingly, it is essential to integrate the contents of education for sustainable development into university training programs and general education curricula. However, its implementation still faces many difficulties and limitations. Therefore, the study uses a retrospective method and document analysis to systematize, analyze, synthesize, compare, and draw conclusions from previous studies on integrating education for sustainable development in training teachers and teaching in general schools worldwide and Vietnam to have a basis for building its theoretical framework. The research results have theoretical reference significance for leaders and managers of pedagogical universities, lecturers, researchers, general school administrators and teachers, and make a premise for future studies on the management of integrating education for sustainable development in teaching in general schools to meet the requirements of the 2018 General Education Curriculum and the global goals of Education for Sustainable Development.

KEYWORDS: Literature review, integration, training teachers, teaching in general schools, sustainable development, education for sustainable development.